

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HSST
Ngày: 24/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Quang -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 27/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Lương Văn T, sinh năm 1971, tại Hà Nội; Nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp:Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn Tiệp (đã chết) và bà Lương Thị Ngoan (đã chết); vợ là Lê Thị Huệ, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án: Tại bản án số 03/2009/HSST ngày 13/02/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 15 năm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2020 (chưa xóa án tích).Tiền sự: không (Theo danh chỉ bản số 138 do công an huyện Thường Tín lập ngày 06/3/2023); Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/3/2023, tạm giam ngày 05/3/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1979 (có mặt)

Trú tại: thôn H, xã L, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Công C, sinh năm 1979 (có mặt)

Trú tại: thôn A, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 09/10/2022, Lê Văn H điều khiển xe mô tô BKS 19Y5-589.15 từ nhà đến trang trại của Lương Văn T ở thôn Đ, xã T, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội để uống nước. Sau đó, T rủ H đi trộm cắp tài sản thì H đồng ý. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô trên chõ T qua cánh đồng thôn H, xã L, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. T chỉ tay vào trang trại nuôi vịt của anh Lê Văn T1 bảo: “ở đây có đồng sắt, không có camera” ý của T là bảo H vào trang trại trộm cắp tài sản. T nói H dừng xe lại và bảo H đi vào trong trang trại trước còn T đứng ngoài canh giới. Khi H đi đến hàng rào sắt lưới B40 của trang trại thì thấy bên trong có nhiều ống thép phi 110 mỗi ống dài khoảng 2m. H trèo qua hàng rào vào bên trong lấy 01 ống thép mang ra ngoài thì lúc này T cũng từ bên ngoài đi vào. H tiếp tục đi vào bên trong trang trại lấy 03 ống thép đưa qua hàng rào cho T để mang ra ngoài đường. Sau đó H điều khiển xe mô tô chõ T mang 04 ống thép (mang 02 lần, mỗi lần 02 ống) về để tại trang trại của T rồi tiếp tục quay lại trang trại của anh T1 để trộm cắp tài sản. Tại đây, T vào trong trang trại lấy 01 ống thép còn H lấy 03 giăng vịt bằng inox và 01 cân loại 30kg rồi mang về trang trại của T. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 10/10/2022, H gọi điện thoại cho Nguyễn Công C là người thu mua sắt vụn vào bảo C có mua sắt vụn thì liên hệ với T. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, H nhận được điện thoại của T nói “Chính ra rồi, chú ra đi”. H điều khiển xe mô tô đi ra trang trại của T ở cạnh nghĩa trang thôn Đ, xã T thì thấy T đang chuyển ống thép qua ao sang nghĩa trang thôn Đ. T bảo H sang nghĩa trang lôi ống thép lên. H sang nghĩa trang lôi 05 ống thép, lúc này T từ trang trại sang nghĩa trang bảo H về lấy 03 giăng vịt bằng inox, 01 chiếc cân để bán cho C. C tính số tiền 05 ống thép trọng lượng 102 kg, làm tròn là 100 kg x 7.500 đồng = 750.000 đồng; 36 kg inox x 10.000 đồng = 360.000 đồng; 01 cân loại 30 kg giá 150.000 đồng. C đưa cho H số tiền là 1.250.000 đồng. Sau đó cả ba bê số tài sản trên lên thùng xe tải của C. Khi C lái xe ô tô đi ra cổng nghĩa trang thì bị người dân phát hiện hô lên thì H và T bỏ chạy. Khi công an xã L đến làm việc thì C gọi điện cho H quay lại. Công an xã L đã đưa H, C về trụ sở làm việc.

Tang vật thu giữ: 05 ống tuýt sắt, 03 giăng inox, 01 chiếc cân (loại 30 kg), số tiền 1.250.000 đồng do H giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 18/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 05 ống thép phi 110, tổng trọng lượng 102 kg, đưa vào sử dụng năm 2016, đã bị gỉ sét, không còn nguyên vẹn có giá 714.000 đồng.

-03 giăng inox diện (5,5x0,6)m, loại inox 201, đưa vào sử dụng năm 2022, vẫn còn nguyên vẹn, tổng khối lượng 36 kg có giá 2.592.000 đồng.

-01 chiếc cân đồng hồ Nhơn Hòa loại 30 kg, đưa vào sử dụng năm 2021, hoạt động bình thường có giá 500.000 đồng.

Tổng giá trị trung cầu định giá 3.806.000 đồng.

Quá trình điều tra Lê Văn T bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với T và ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi phạm tội của T. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 14/02/2023, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã xét xử đối với Lê Văn H.

Ngày 02/3/2023, Lương Văn T đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Cơ quan điều tra đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và phục hồi điều tra bị can đối với Lương Văn T.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSTT ngày 27/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố Lương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

*Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng hành vi bị cáo đã thực hiện, thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

*Anh T1: đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì.

*Anh C: không có yêu cầu đề nghị gì.

*Đại diện VKSND huyện Thường Tín giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38- Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị:

- Xử phạt Lương Văn T từ 12 đến 18 tháng tù.

-Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

- Về xử lý vật chứng: bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T1, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/10/2022, tại cánh đồng thôn H, xã L, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Lương Văn T và Lê Văn H đã trộm cắp tài sản được số tài sản như sau 05 ống thép phi 110 trọng lượng 102 kg, 03 giăng inox diện (5,5x0,6)m, loại inox 201 trọng lượng 36 kg, 01 cân đồng hồ loại 30 kg. Theo kết luận định giá tài sản, tổng giá trị các tài sản trên là 3.806.000 đồng. Như vậy, hành vi của Lương Văn T và Lê Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 171- Bộ luật hình sự năm 2015. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSST ngày 14/02/2023, TAND huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội đã xét xử và kết án Lê Văn H về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173- Bộ luật hình sự. Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSTT ngày 27/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố Lương Văn T ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về vai trò của T trong vụ án là người rủ rê, khởi xướng hành vi phạm tội, mặt khác T bị áp dụng tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Văn T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý tại bản án số 14/2023/HSST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội nên không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 - Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333- Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: Tuyên bố Lương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Lương Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: đã được xử lý tại bản án số 14/2023/HSST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 – Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333- Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Bị cáo Lương Văn T, bị hại là anh Lê Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Công C có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T1 nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Công an huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Cơ quan THA hình sự huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Lưu HSVA, VP.

Trần Thị Thu Hiền

